

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27 – 4 – 2021
V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thiệu Hoàng Mới;
Bà Nguyễn Thị Tú Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 569/2020/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2020, về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thanh T, sinh ngày 01/01/1982, có mặt.

- Bị đơn: Ông Hà Thanh T, sinh năm 1979, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 679/1, ấp H, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2003, bà Võ Thanh T và ông Hà Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và có đến Ủy ban nhân dân xã Đại Hải, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đăng ký kết hôn số 41, ngày 30/5/2006.

Vợ chồng chung sống rất hạnh phúc được 18 năm và sinh được 01 người con chung là Hà Võ Kim T, sinh ngày 27/10/2004, hiện đang sống với bà T.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Đến năm 2019, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, kinh tế gia đình không ổn định, do ông T không lo kinh tế gia đình, có tính gia trưởng, hà khắc với bà T, không quan tâm

vợ con, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng trầm trọng. Từ đó, bà T nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T được nữa.

**Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Hà Thanh T.
- Về con chung: Cháu Kim Tuyền có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu theo bà, bà nuôi cho đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Hà Thanh T không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thanh T.*

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Hà Thanh T, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thanh T và ông Hà Thanh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông T có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, do không đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, không hạnh phúc, nên đã sống ly thân từ năm 2019, đến thời điểm này, cả bà T và ông T cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà T và ông T có một người con chung là Hà Võ Kim T, sinh ngày 27/10/2004, hiện đang sống chung với bà T.

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Xét thấy, cháu T có nguyện vọng sống chung với mẹ, người con chung này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tranh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu Hà Võ Kim T, sinh ngày 27/10/2004, cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho ông T, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T đối với ông T.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thanh T được ly hôn với ông Hà Thanh T.

2) Về con chung: Giao cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Võ Kim T, sinh ngày 27/10/2004, đến tuổi thành niên; Ông T được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T đối với ông T.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008722, ngày 22/12/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã Đại Hải;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng